

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 548 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 08 tháng 5 năm 2015

V/v báo cáo kết quả thực hiện chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020

Kính gửi:

- Văn phòng Sở;
- Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản QPPL.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2903/UBND-HC ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020.

Qua nội dung yêu cầu báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở yêu cầu các đơn vị tham mưu xây dựng báo cáo và gửi Sở Nội vụ trước ngày 12/5/2015 như sau:

1. Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính phối hợp phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản QPPL tham mưu xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Cải cách thể chế và Kiểm soát thủ tục hành chính theo Đề cương số 02;

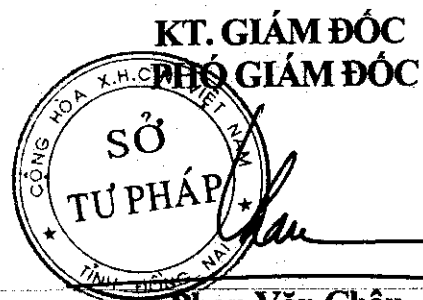
2. Giao Văn phòng Sở tham mưu, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020 theo Đề cương số 01 của Sở Tư pháp;

Nội dung Công văn số 2903/UBND-NC và Đề cương yêu cầu báo cáo được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ:

<http://stp.dongnai.gov.vn/vanbanphapquy/>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu:VP, VT.



Phan Văn Châu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2903/UBND-HC

Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2015

V/v báo cáo kết quả thực hiện chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020.

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG	SỐ: <u>855</u>
VĂN	NGÀY: <u>24/4</u>
ĐẾN	CHUYỂN

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Ngày 30/3/2015, Bộ Nội vụ có văn bản số 1357/BNV-CCHC đề nghị báo cáo kết quả thực hiện chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Báo cáo kết quả thực hiện chương trình cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020; báo cáo yêu cầu bám sát nội dung, mục tiêu Chương trình cải cách hành chính của tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 14/02/2012 của UBND tỉnh) và đề cương (số 1) kèm theo văn bản này.

2. Giám đốc các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư:

Báo cáo kết quả triển khai lĩnh vực cải cách hành chính của tỉnh thuộc trách nhiệm tham mưu triển khai của đơn vị; báo cáo yêu cầu bám sát đề cương (số 2) kèm theo văn bản này; trong đó, đánh giá kết quả triển khai, những mặt tích cực, tồn tại (nếu có) và nguyên nhân trong giai đoạn 2011-2015; đồng thời, đề xuất các giải pháp, phương hướng giai đoạn 2016-2020; cụ thể:

a) Sở Tư pháp: Báo cáo kết quả thực hiện Cải cách thể chế và Kiểm soát thủ tục hành chính tại phần II của đề cương số 2;

b) Sở Tài chính: Kết quả lĩnh vực Cải cách tài chính công tại phần III của đề cương số 2.

c) Sở Thông tin và Truyền thông: Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin tại phần IV của đề cương số 2.

d) Sở Khoa học và Công nghệ: Kết quả áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động cơ quan hành chính tại phần V của đề cương số 2.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Kết quả triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh tại phần VI của đề cương số 2.

3. Giám đốc Sở Nội vụ:

- Báo cáo kết quả về Công tác chỉ đạo điều hành; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Cải cách tổ chức bộ máy; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại phần I của Đề cương số 2.

- Tổng hợp, dự thảo báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020.

4. Thời gian thực hiện

- Các đơn vị, địa phương gửi báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) **trước ngày 12/5/2015** (để thuận lợi cho công tác tổng hợp đề nghị các đơn vị gửi thêm file báo cáo vào địa chỉ email: snvdongnai@gmail.com).

- Sở Nội vụ dự thảo báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính của tỉnh trình UBND tỉnh **trước ngày 15/6/2015** để báo cáo Bộ Nội vụ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh và các Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT,HC, Sở Nội vụ.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh



ĐỀ CƯƠNG (SỐ 1)

**Báo cáo công tác cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai
giai đoạn I (2011-2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ
cải cách hành chính nhà nước giai đoạn II (2016-2020)**

(Kèm theo Công văn số 204/UBND-HC ngày 20/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI
ĐOẠN I (2011-2015)**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Phổ biến, quán triệt Chương trình cải cách hành chính của tỉnh

- Tình hình tổ chức phổ biến và quán triệt Chương trình và các văn bản quan trọng khác có liên quan của các đơn vị, địa phương;

- Đánh giá về mức độ nhận thức chấp hành triển khai thực hiện sau học tập, quán triệt của lãnh đạo các cấp và cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Công tác xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính (đánh giá mức độ cụ thể) của đơn vị để triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính của tỉnh;

- Các văn bản khác liên quan đến việc triển khai, thực hiện chương trình, kế hoạch;

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính;

- Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính;

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị;

- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính được triển khai áp dụng.

3. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra;

- Kết quả và mức độ thực hiện;

- Số lượng các lần tổ chức đoàn đi kiểm tra trong đó nêu rõ số đơn vị được kiểm tra;

- Những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

4. Thông tin, tuyên truyền

- Xây dựng kế hoạch và cách thức thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính (hướng vào các nội dung chủ yếu: mục tiêu, nội dung của Chương trình tổng thể; cải cách thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông,...);

- Đánh giá mức độ nắm bắt, hiểu biết... về chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức của đơn vị.

5. Nhận xét, đánh giá chung về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của đơn vị

II. ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng (hoặc tham mưu ban hành) văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị, địa phương.

b) Tham mưu hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của đơn vị, địa phương

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại đơn vị, địa phương

- Xây dựng và ban hành các VBQPPL của đơn vị, địa phương;

- Rà soát VBQPPL của đơn vị, địa phương;

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL tại đơn vị, địa phương;

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành và UBND tỉnh.

b) Kiểm soát thủ tục hành chính

- Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của đơn vị, địa phương;

+ Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của

Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và theo các chỉ đạo của UBND tỉnh.

+ Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát;

+ Việc thực hiện rà soát thủ tục hành chính theo chỉ đạo của UBND tỉnh; trong đó nêu rõ kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương;

+ Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương.

- Về công khai thủ tục hành chính

Nêu cụ thể tình hình công khai thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại đơn vị, địa phương. Trong đó cần làm rõ:

- Đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (đạt hoặc chưa đạt yêu cầu theo quy định);

- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa;

- Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông;

- Kết quả giải quyết TTHC tại đơn vị:

Năm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		03 tháng đầu năm 2015	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Tổng số		100%		100%		100%		100%		100%
Đúng hạn										
Trễ hạn										

Ngoài các nội dung trên, đối với UBND cấp huyện, báo cáo: Số TTHC của cấp xã thực hiện theo cơ chế một cửa; số TTHC cấp xã thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông; Số UBND cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

d) Tình hình triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị:

Nêu rõ tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các bộ về tổ chức bộ máy. Trong đó nêu rõ thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản quy phạm pháp luật;

- Số lượng các cơ quan, đơn vị trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy;

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

b) Về phân cấp quản lý

Nêu cụ thể tình hình thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp; việc xử lý các vấn đề phân cấp sau kiểm tra.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh.

b) Việc xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm của đơn vị.

c) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

d) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh. Trong đó, nêu rõ kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được phê duyệt.

đ) Kết quả triển khai các chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức của đơn vị trong giai đoạn 2011-2015.

e) Về công chức cấp xã:

Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó nêu rõ số lượng (hoặc tỷ lệ %) công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng (hoặc tỷ lệ %) số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn,

ng nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước;

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao tại địa phương

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại đơn vị, địa phương:

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của đơn vị, trong tiếp nhận giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

+ Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh;

+ Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại đơn vị;

+ Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị. Trong đó, thống kê số cơ quan, đơn vị ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc;

+ Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, thống kê số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở các mức độ 1 và 2, mức độ 3, mức độ 4;

+ Tình hình hoạt động Trang thông tin điện tử của đơn vị.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Báo cáo cụ thể tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại đơn vị.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong phần này, ngoài những vấn đề đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính trong thời gian tới, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về nội dung cải cách hành chính

2. Mục tiêu, kết quả dự kiến cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020

- Mục tiêu chung
- Các mục tiêu cụ thể
- Các kết quả, sản phẩm

3. Các giải pháp bảo đảm thực hiện chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020

4. Tổ chức thực hiện

Phân công trách nhiệm triển khai.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ, UBND tỉnh về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác./.



ĐỀ CƯƠNG (SỐ 2)
Báo cáo một số lĩnh vực công tác cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai
giai đoạn I (2011-2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ
giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Công văn số 2904/UBND-HC ngày 20/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần 1: Sở Nội vụ báo cáo:

I. Công tác chỉ đạo, triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015

1. Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể của Chính phủ

- Tình hình tổ chức học tập, phổ biến và quán triệt Chương trình tổng thể và các văn bản quan trọng khác có liên quan của tỉnh;
- Đánh giá về mức độ nhận thức chấp hành triển khai thực hiện sau học tập, quán triệt của lãnh đạo các cấp và cán bộ, công chức trong tỉnh.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Công tác xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính (đánh giá mức độ cụ thể) của tỉnh để triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính;
- Các văn bản khác liên quan đến việc triển khai, thực hiện chương trình, kế hoạch;
- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính;
- Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính;
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại tỉnh;
- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính được triển khai áp dụng.

3. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra;
- Kết quả và mức độ thực hiện;
- Số lượng các lần tổ chức đoàn đi kiểm tra trong đó nêu rõ số đơn vị được kiểm tra;
- Những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

4. Thông tin, tuyên truyền

- Xây dựng kế hoạch và cách thức thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính (hướng vào các nội dung chủ yếu: mục tiêu, nội dung của Chương trình tổng thể; cải cách thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông,...);

- Đánh giá mức độ nắm bắt, hiểu biết... về chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh.

5. Nhận xét, đánh giá chung về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

II. Đánh giá các nội dung cải cách hành chính theo chương trình tổng thể

1. Cải cách thủ tục hành chính

a) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại địa phương theo các cấp hành chính (tỉnh, huyện, xã). Trong đó cần làm rõ:

- Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện cơ chế một cửa;

- Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai thực hiện cơ chế một cửa;

- Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện cơ chế một cửa;

- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa;

- Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông;

- Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định;

- Số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện mô hình một cửa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại.

b) Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

2.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của UBND và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

Nêu rõ tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của UBND các cấp, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập). Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các bộ về tổ chức bộ máy. Trong đó nêu rõ thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản quy phạm pháp luật;

- Số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy;

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh;

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng chuyên môn cấp huyện;

- Tình hình quản lý biên chế của UBND các cấp;

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của UBND các cấp.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (thực hiện báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của mình và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ)

- Về mô hình tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện;

- Về mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn.

c) Về phân cấp quản lý

Nêu cụ thể tình hình thực hiện các quy định phân cấp tại địa phương; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp; việc xử lý các vấn đề phân cấp sau kiểm tra.

d) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công

2.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ

b) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Việc xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, trong đó nêu rõ số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, số đơn vị hành chính cấp huyện, số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công đã xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công có cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt và mức độ thực hiện cơ cấu công chức trên thực tế của các cơ quan, đơn vị này.

c) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, thống kê số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức tại địa phương.

d) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh. Trong đó, nêu rõ kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được phê duyệt.

đ) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

- Việc thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh;
- Thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ Lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương;
- Chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính của tỉnh Đồng Nai.

e) Kết quả triển khai các chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức của tỉnh trong giai đoạn 2011-2015.

g) Về công chức cấp xã

Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó nêu rõ số lượng (hoặc tỷ lệ %) công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng (hoặc tỷ lệ %) số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định.

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. Đánh giá về thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

IV. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020:

Trong phần này, ngoài những vấn đề đã được quy định cụ thể tại Nghị quyết 30c/NQ-CP, các tỉnh đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính trong thời gian tới, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về nội dung cải cách hành chính

2. Mục tiêu, kết quả dự kiến của Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020

- Mục tiêu chung

- Các mục tiêu cụ thể
- Các kết quả, sản phẩm

3. Các giải pháp bảo đảm thực hiện chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020

4. Tổ chức thực hiện

Phân công trách nhiệm triển khai.

V. Kiến nghị đề xuất:

1. Kiến nghị với Chính phủ về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

Phần II. Sở Tư pháp báo cáo:

1. Cải cách thể chế: Đánh giá Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh.

b) Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của tỉnh.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng và ban hành các VBQPPL của tỉnh;

- Rà soát VBQPPL của tỉnh;

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL của tỉnh;

2. Cải cách thủ tục hành chính: Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính:

- Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của tỉnh;

- Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

+ Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát;

+ Việc thực hiện các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ; trong đó nêu rõ kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ thủ tục hành chính và các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương;

+ Việc công bố, cập nhật thủ tục hành chính;

+ Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương.

- Về công khai thủ tục hành chính

Nêu cụ thể tình hình công khai thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên mạng Internet và các hình thức công khai khác. Trong đó nêu rõ số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, số đơn vị hành chính cấp huyện công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; số lượng (hoặc tỷ lệ) thủ tục hành chính được công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và nhiệm vụ, phương hướng giai đoạn 2016-2020.

4. **Thống kê số liệu:** Thống kê các số liệu kết quả triển khai thuộc lĩnh vực cải cách thể chế và kiểm soát thủ tục hành chính theo mẫu (kèm theo đề cương này)

Phần III. Sở Tài chính báo cáo:

1. Cải cách tài chính công

1.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của địa phương

c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước;

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

d) Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao tại địa phương

1.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và nhiệm vụ, phương hướng giai đoạn 2016-2020.

2. Thống kê số liệu: Thống kê các số liệu kết quả triển khai thuộc lĩnh vực cải cách tài chính công theo mẫu (kèm theo đề cương này)

Phần IV. Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo:

1. Về hiện đại hóa hành chính: Kết quả chủ yếu đạt được:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đến năm 2020;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân

+ Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh;

+ Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan hành chính thuộc tỉnh;

+ Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện. Trong đó, đánh giá số cơ quan, đơn vị ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc;

+ Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ 1 và 2, mức độ 3, mức độ 4;

+ Số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có trang thông tin điện tử.

b) Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020.

2. Thống kê số liệu: Thống kê các số liệu kết quả triển khai thuộc lĩnh vực Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước theo mẫu (kèm theo đề cương này).

Phần V. Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo:

- Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính: Báo cáo cụ thể tình hình triển khai và có bản Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện.

- Thống kê các số liệu kết quả triển khai thuộc lĩnh vực áp dụng tiêu chuẩn ISO theo mẫu (kèm theo đề cương này)

Phần VI. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo:

- Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính ở địa phương:
Nêu rõ tình hình đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan hành chính ở địa phương, trong đó có việc triển khai thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng trụ sở cấp xã, phường.

- Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020



PHỤ LỤC

hợp kết quả cải cách hành chính giai đoạn I (2011-2015) của các tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Văn bản số 04/UBND-HC ngày 20/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	1. Số Nội vụ thực hiện:					Ghi chú
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	
1.	Số văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của tỉnh (Quyết định, Chỉ thị, Công văn hướng dẫn...)						
2.	Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh						
3.	Số lượng các hình thức tuyên truyền CCHC tại tỉnh						
4.	Số mô hình, sáng kiến cải cách hành chính được triển khai áp dụng						
5.	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa						
6.	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông						
7.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông						
8.	Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông						
9.	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)						
10.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định						
11.	Số huyện thực hiện mô hình một cửa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại						

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Ghi chú
		2011	2012	2013	2014	2015	
12.	Số cơ quan hành chính cấp tỉnh (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP)						
13.	Số đơn vị chính cấp huyện						
14.	Số đơn vị hành chính cấp xã						
15.	Số đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc (thông kê tổng số cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)						
16.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện)						
17.	Tổng số biên chế của tỉnh						
18.	Số lượng công chức cấp xã						
19.	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định						
20.	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm						
21.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh						
22.	Số cán bộ, công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm						
2. Số Tư pháp:							
1.	Số văn bản QPPL do tỉnh ban hành hàng năm						
2.	Số VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh được rà soát, hệ thống hoá						
3.	Số văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế						
4.	Số văn bản đề nghị bãi bỏ, hủy bỏ						
5.	Số thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính của tỉnh (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã)						

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
6.	Số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh						
3. Sở Tài chính:							
1.	Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính						
2.	Số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm						
4. Sở Thông tin và Truyền thông:							
1.	Tỷ lệ số văn bản chính thức được trao đổi dưới dạng điện tử						
2.	Tỷ lệ công chức được cấp hộp thư điện tử						
3.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản						
4.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc						
5.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử						
5. Sở Khoa học và công nghệ:							
1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có bản công bố ISO						

